



Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ

Số chuyên đề: Giáo dục Đồng bằng sông Cửu Long

website: ctujsvn.ctu.edu.vn



DOI:10.22144/ctu.jvn.2023.093

DAY HỌC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN ĐA PHƯƠNG THỨC CHO HỌC SINH LỚP 10

Châu Kim Vàng*

Trường Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng

*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Châu Kim Vàng (email: chaukimvang.c3nk@soctrang.edu.vn)

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 13/02/2023

Ngày nhận bài sửa: 16/04/2023

Ngày duyệt đăng: 15/05/2023

Title:

Teaching reading comprehension multimodal text for 10th grade students

Từ khóa:

Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018, văn bản đa phương thức, dạy học đọc hiểu văn bản đa phương thức

Keywords:

General education program in Literature 2018, multimodal text, teaching reading comprehension multimodal text

ABSTRACT

The General Education Program in Literature 2018 has introduced multimodal texts into the teaching content, including teaching the reception and creation of texts. Students reading and understanding multimodal texts will contribute to the formation and development of students' communication ability. In this program, the requirements for writing and speaking multimodal texts appear in only a few classes, limited to informational and argumentative texts. In this article, some methods of teaching reading comprehension of multimodal texts for grade 10 students will be presented. Analytical methods, theoretical synthesis and pedagogical experimental methods are used to solve the posed problem. Experimental results allow to come to the conclusion that the proposed multimodal text - reading teaching methods is feasible.

TÓM TẮT

Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 đã đưa văn bản đa phương thức vào nội dung dạy học bao gồm cả dạy tiếp nhận và tạo lập văn bản. Dạy học đọc hiểu văn bản đa phương thức sẽ góp phần hình thành và phát triển năng lực giao tiếp của học sinh. Trong chương trình này, yêu cầu cần đạt về viết, nói văn bản đa phương thức chỉ xuất hiện ở một số lớp, giới hạn ở loại văn bản thông tin và nghị luận. Trong bài viết này, một số biện pháp dạy học đọc hiểu văn bản đa phương thức cho học sinh lớp 10 sẽ được trình bày. Phương pháp phân tích, tổng hợp lí thuyết và phương pháp thực nghiệm sư phạm được sử dụng để giải quyết vấn đề đặt ra. Kết quả thực nghiệm cho phép đi đến kết luận rằng việc vận dụng các biện pháp dạy học đọc hiểu văn bản đa phương thức đã được đề xuất là có tính khả thi.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) môn Ngữ văn 2018 được xây dựng theo hướng mở, thể hiện ở việc chương trình không quy định chi tiết nội dung dạy học (DH) mà chỉ xác định những yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói và nghe; xác định kiến thức tiếng Việt, kiến thức văn học và định hướng về ngữ liệu cho mỗi lớp. Chương trình đã có những thay đổi cả về mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo

dục cũng như đánh giá kết quả giáo dục. Với yêu cầu của CTGDPT môn Ngữ văn, văn bản đa phương thức (VBĐPT) rất được chú trọng và đưa vào nội dung DH, đây là một điểm mới và là một trong những bước tiến lớn trong hoạt động cải cách, đổi mới giáo dục ở nước ta. VBĐPT xuất hiện như hệ quả sự phát triển của đời sống xã hội cũng như cuộc cách mạng kĩ thuật số với những thay đổi vượt bậc. Từ đó, giáo dục cũng cần có những thay đổi tương ứng, đặc biệt là giáo dục Ngữ văn với tư cách là một

môn học, một công cụ trong việc giúp người học có khả năng đọc hiểu (ĐH) các loại hình văn bản (VB). Trong bối cảnh đó, DH ĐH VBĐPT là một trong số những vấn đề cần được quan tâm nghiên cứu và tìm hiểu. Tuy các nghiên cứu về ĐH VB đã có những thành tựu đáng kể, song vẫn còn khoảng trống trong nghiên cứu về DH ĐH VBĐPT cho học sinh (HS) lớp 10. Trong khuôn khổ bài viết này, một số biện pháp về DH ĐH VBĐPT cho HS lớp 10 sẽ được trình bày.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để giải quyết vấn đề bài viết đặt ra, các phương pháp nghiên cứu được kết hợp sử dụng chủ yếu sau:

– *Phương pháp phân tích và tổng hợp lí thuyết*: Phương pháp này được sử dụng để xem xét, lựa chọn, xác định một số các quan điểm, luận điểm quan trọng về ĐH VBĐPT.

– *Phương pháp điều tra*: Điều tra ý kiến của HS bằng phiếu hỏi; điều tra, khảo sát thực trạng học của HS bằng trắc nghiệm; nghiên cứu kết quả trả lời câu hỏi điều tra nhận thức, quan niệm của HS về ĐH VBĐPT.

– *Phương pháp thực nghiệm (TN) sư phạm*: Phương pháp này được tiến hành nhằm áp dụng một số biện pháp được đề xuất ở mục 3.3 vào đối tượng TN là HS lớp 10 tại Trường trung học phổ thông Nguyễn Khuyến thông qua nội dung TN cụ thể, từ đó người viết tiến hành phân tích kết quả TN để kiểm chứng về tính khả thi, hiệu quả của những biện pháp đã áp dụng.

3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

3.1. Quan niệm chung về VBĐPT

Hiện nay, có rất nhiều quan niệm khác nhau về VBĐPT được đề cập đến trong một số bài viết của Đỗ Ngọc Thống, Nguyễn Thế Hưng, Lê Thị Minh Nguyệt và trong CTGDPT môn Ngữ văn 2018. Trong bài viết *Phát triển năng lực đọc viết cho học sinh phổ thông*, Đỗ Ngọc Thống đưa ra những cách hiểu về loại VB này, theo đó VBĐPT “Là VB không chỉ toàn kênh chữ mà còn đan xen kênh hình với những kí hiệu, sơ đồ, biểu tượng, đồ thị, bảng biểu, minh họa, ảnh nghệ thuật... thậm chí cả âm thanh. Đó chính là VBĐPT” (Thống, 2017, tr. 9). Lê Thị Minh Nguyệt cho rằng “VBĐPT là loại VB kết nối ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp khác (như tranh ảnh, âm thanh, phim, trang web...)” (Nguyễn, 2017, tr. 46). Nguyễn Thế Hưng quan niệm “VBĐPT (trong sự phân biệt với VB đơn phương thức về số lượng kênh biểu đạt của VB) là VB có sự phối hợp chặt chẽ từ hai kênh biểu đạt trở lên (bao

gồm: kênh ngôn ngữ, kênh hình ảnh, kênh âm thanh, kênh video, kênh hoạt động, kênh liên kết, siêu liên kết...) tạo thành một chỉnh thể thống nhất nhằm đạt mục đích giao tiếp nhất định” (Hưng, 2018, tr. 86). Theo Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018, VBĐPT là “VB có sự phối hợp phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện khác như kí hiệu, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh, âm thanh” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018b, tr. 88).

Trên cơ sở tìm hiểu các quan điểm của các tác giả, chúng tôi cho rằng: VBĐPT trong sự phân biệt với VB đơn phương thức về số lượng kênh biểu đạt của VB là VB có sự phối hợp chặt chẽ từ hai kênh biểu đạt trở lên (bao gồm: kênh ngôn ngữ, kênh hình ảnh, kênh âm thanh, kênh video,...); VBĐPT là VB có sự phối hợp phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện khác như kí hiệu, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh, âm thanh tạo thành một chỉnh thể thống nhất nhằm đạt được mục đích giao tiếp nhất định.

3.2. VBĐPT trong sách giáo khoa (SGK) Ngữ văn lớp 10

Khảo sát CTGDPT môn Ngữ văn 2018, một số nhận xét về vấn đề VBĐPT trong môn Ngữ văn 10 được rút ra như sau: CTGDPT quan niệm VBĐPT trong môn Ngữ văn trước hết là VB được tạo thành từ kênh ngôn ngữ, sau đó mới là các kênh giao tiếp khác như kí hiệu, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh, âm thanh... Điều này được quy định từ đặc trưng của môn Ngữ văn ở nhà trường phổ thông là môn học thuộc lĩnh vực giáo dục ngôn ngữ và văn học, môn học thông qua các VB, bằng các hoạt động đọc, viết, nói và nghe mà hình thành và phát triển cho HS những phẩm chất chủ yếu, những năng lực cốt lõi để sống và làm việc hiệu quả. Do đó, mặc dù tính chất công cụ của môn học thông qua việc dạy học đọc hiểu VBĐPT được mở rộng ra với hoạt động giao tiếp bằng các kênh phi ngôn ngữ nhưng trước hết dạy học đọc hiểu VBĐPT vẫn chú trọng vào phát triển năng lực giao tiếp bằng ngôn ngữ của HS.

Trong phần nội dung kiến thức tiếng Việt của lớp 10 đều có một phần nội dung về kênh giao tiếp phi ngôn ngữ của VBĐPT, cụ thể là “phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ, sơ đồ” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018b, tr. 67). Các phương thức chính được kết hợp với phương thức ngôn ngữ để tạo nên VBĐPT bao gồm cả các phương thức giao tiếp tĩnh và động. Một số kênh giao tiếp đa phương thức động được nhắc đến là “cử chỉ, điệu bộ”. Các phương thức giao tiếp tĩnh được kết hợp để tạo thành VBĐPT là: “hình ảnh, số liệu, biểu đồ, sơ đồ”.

Nội dung VBĐPT được đưa vào chương trình phổ thông bao gồm cả mạch ĐH VBĐPT và mạch tạo lập VBĐPT. Đối với mạch ĐH VB, HS được yêu cầu đọc hiểu một số loại VBĐPT sau: “nội quy, bản hướng dẫn ở nơi công cộng”, “bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội”. Yêu cầu đọc hiểu VBĐPT được đặt ra là “nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ để biểu đạt nội dung VB một cách sinh động, hiệu quả”, “Phân tích và đánh giá được tác dụng của các yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) để làm tăng hiệu quả biểu đạt của VB thông tin”, “so sánh được hiệu quả biểu đạt của VB thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và VB thông tin có kết hợp với các yếu tố phi ngôn ngữ”. Đối với mạch tạo lập VB, HS được yêu cầu tạo lập cả các VBĐPT dạng viết và các VBĐPT dạng nói. Thứ nhất, HS được yêu cầu tạo lập các VBĐPT dạng viết như sau: “viết được báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề, có sử dụng trích dẫn, cước chú và các phương tiện hỗ trợ phù hợp”, “viết được báo cáo kết quả của bài tập dự án hay kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội; có sử dụng sơ đồ, bảng biểu, có thuyết minh các hình ảnh minh họa, có sử dụng trích dẫn, cước chú và biết trình bày phần tài liệu tham khảo”. Thứ hai, HS được yêu cầu tạo lập các VBĐPT dạng nói như: “biết thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ”, “trình bày được báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề đáng quan tâm; biết sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với phương tiện phi ngôn ngữ để nội dung trình bày được rõ ràng và hấp dẫn” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018b, tr. 80).

Ở hệ thống chuyên đề học tập cho HS, VBĐPT cũng được đưa vào là một nội dung học tập. Trong chuyên đề học tập ở lớp 10, chuyên đề “Sân khấu hóa tác phẩm văn học”, HS được yêu cầu “nhận biết được sự khác biệt giữa ngôn ngữ trong VB văn học và ngôn ngữ trong VB sân khấu”.

Trong nhà trường phổ thông, HS được tiếp cận với cả ba tiểu loại VBĐPT phân loại theo mục đích giao tiếp là VB thông tin đa phương thức, VB văn học đa phương thức và VB nghị luận đa phương thức. Trong hệ thống *Danh mục VB (ngữ liệu) gợi ý lựa chọn ở các lớp* của CTGDPT môn Ngữ văn 2018, các VBĐPT thuộc ba loại trên có thể kể đến là: VB thông tin đa phương thức (“VB quảng cáo (tờ rơi, áp phích...)”, “thư điện tử”, “VB giới thiệu quy trình tiến hành một thí nghiệm, bản tin (báo in và báo mạng), VB tường trình, quảng cáo”, “báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã

hội, có sử dụng sơ đồ, bảng biểu, có thuyết minh các hình ảnh minh họa, có sử dụng trích dẫn, cước chú và phần tài liệu tham khảo”, VB văn học đa phương thức (“*Hoàng tử bé*” - Antoine de Saint-Exupéry, “*Nổi vòng tay lớn*”, “*Nhớ mùa thu Hà Nội*” - Trịnh Công Sơn”), “sân khấu hóa một tác phẩm có trong chương trình môn Ngữ văn được chuyển thể” và VB nghị luận đa phương thức (“*Hẹn hò với định mệnh*” - J. Nehru, “*Thơ còn tồn tại được không*” - Diễn từ Nobel 1975 của E. Montale, “*Tôi có một giấc mơ*” - L. King, “*Tuyên ngôn Độc lập*” - Hồ Chí Minh”). Trong số các VB kể trên, các bài hát hoặc bài phát biểu, diễn văn chính luận là VBĐPT (khi tạo lập bài phát biểu, người phát biểu tạo lập một VB đơn phương thức (phần ngôn ngữ) nhưng khi được công bố (phát biểu) thì bài phát biểu là VBĐPT; tương tự bài hát khi sáng tác là VB đơn phương thức nhưng khi biểu diễn có kết hợp với nhạc thì bài hát là VBĐPT). Do mục tiêu, yêu cầu của môn Ngữ văn mà nhà trường phổ thông lựa chọn tập trung học nội dung tương ứng với phần phương thức ngôn từ của văn bản (lời của bài hát, văn bản bài phát biểu).

Phương pháp giáo dục và thiết bị DH ở nhà trường phổ thông cũng có nội dung liên quan đến VBĐPT. CTGDPT môn Ngữ văn 2018 đưa ra phương pháp dạy viết ở cấp Trung học phổ thông (THPT) như sau: “bên cạnh các VB thông thường, HS còn được rèn luyện tạo lập VB điện tử và VBĐPT”. Về thiết bị DH, CTGDPT môn Ngữ văn 2018 nhấn mạnh “sách truyện tranh” là một trong số những “thiết bị DH tối thiểu của môn Ngữ văn”. Những trường có điều kiện tốt hơn cần có một số thiết bị DH sau: “các CD, video clip có nội dung giới thiệu các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của đất nước, quê hương của các nhà văn (để dạy và học VB thuyết minh); một số bộ phim hoạt hình, phim truyện được chuyển thể từ các tác phẩm văn học hoặc các CD, video clip ghi một số vở diễn từ các kịch bản văn học; các băng đĩa CD ghi bản nhạc được phổ từ các bài thơ đã chọn làm ngữ liệu DH hay một số văn bản đọc mở rộng, các cuộc giao lưu, nói chuyện chuyên đề của các nhà văn, nhà nghiên cứu, phê bình văn học; các sách giáo khoa Ngữ văn, sách văn học và các tài liệu giáo dục văn học dạng điện tử” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018b, tr. 91). Các thiết bị dạy học góp phần tăng hiệu quả quá trình DH ĐH VBĐPT. Như vậy, có thể thấy nội dung VBĐPT trong môn Ngữ văn đã được đề cập đến trong CTGDPT 2018 ở một số khía cạnh cụ thể. Đây là một phần hệ quả của sự phát triển hệ thống VB nói chung, đặt ra những yêu cầu thích ứng mới cho lực lượng giáo viên (GV) trong quá trình áp

dụng các nội dung của CTGDPT vào thực tế dạy học ở lớp 10.

3.3. Đề xuất một số biện pháp DH DH VBĐPT cho HS lớp 10

Trong SGK Ngữ văn 10 (theo CTGDPT 2018), các VB DH sẽ được xây dựng một cách đa dạng, phong phú về hình thức và nội dung, không chỉ có các VB đơn phương thức mà còn có sự xuất hiện của các VBĐPT. Vì vậy, việc tổ chức DH DH loại VB này như thế nào là yêu cầu đặt ra đối với GV khi thực hiện chương trình, SGK Ngữ văn 2018. Từ các vấn đề của thực tiễn đặt ra, một số biện pháp DH DH VBĐPT cho HS lớp 10 được đề xuất như sau:

Biện pháp 1. Trang bị kiến thức nền cho HS.

– *Mục đích của biện pháp:* Nhằm cập nhật, nâng cao kiến thức từ quá trình tự học lẫn quá trình trao đổi, thảo luận của HS.

– *Cách thức tổ chức thực hiện biện pháp:* Trước khi dạy DH DH VBĐPT, GV cần trang bị kiến thức nền cho HS. Quá trình trang bị kiến thức nền cho HS là một quá trình lâu dài, có thể được tiến hành bằng nhiều cách thức khác nhau. GV có thể trang bị kiến thức cho HS thông qua các hình thức DH đa dạng trên lớp, hệ thống bài tập cho quá trình học tập ở nhà hay các hình thức hoạt động ngoại khóa... Việc trang bị kiến thức nền về VBĐPT và DH DH VBĐPT cho HS có thể diễn ra như sau:

– Bước 1. Lựa chọn đơn vị kiến thức nền về VBĐPT cần trang bị và xác định mục tiêu bài học.

– Bước 2. Thiết kế nội dung tự học trực tuyến: Xác định công cụ xây dựng lớp học trực tuyến. Lớp học trực tuyến sử dụng nền tảng của Google với tên miền <https://classroom.google.com/> hoặc ứng dụng Google Classroom. GV tạo lớp học bằng tài khoản Google của mình và chia sẻ đường dẫn lớp học hoặc mã lớp học cho HS truy cập vào lớp bằng máy tính, điện thoại, máy tính bảng...

Xác định cấu trúc nội dung bài học trực tuyến. Nội dung bài học trực tuyến bao gồm những VB sau: VB 1: “*Tranh Đông Hồ - nét tinh hoa của văn hóa dân gian Việt Nam*” (VB kết hợp giữa kênh chữ và hình ảnh). VB 2: “*Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang khánh thành phòng truyền thống*” (VB kết hợp giữa kênh chữ và hình ảnh).

Các nội dung trên được triển khai thành các định dạng sau: video, tệp trình chiếu là bài giảng tóm tắt kiến thức do GV biên soạn. Ngoài ra, có các VBĐPT được đưa ra làm ví dụ là video, tệp PDF.

Tiến hành triển khai xây dựng nội dung bài học trực tuyến theo cấu trúc đã xác định. GV xây dựng

nội dung DH cụ thể và phiếu hướng dẫn tự học ở nhà cho HS.

Bước 3. Triển khai hoạt động tự học lớp học trực tuyến. HS truy cập và tìm hiểu bài học trực tuyến. HS theo dõi bài giảng video và bài giảng định dạng Microsoft Power – Point tên “*Tranh Đông Hồ - nét tinh hoa của văn hóa dân gian Việt Nam*”, “*Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang khánh thành phòng truyền thống*”.

Bài giảng video có thể được tải xuống hoặc xem trực tuyến nhiều lần, tùy thuộc vào nhu cầu của HS. HS xem kĩ nội dung bài giảng và ghi chú lại những nội dung quan trọng để thuận lợi trong quá trình làm các nhiệm vụ học tập.

HS thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao. Dưới đây là hai trong số các nhiệm vụ:

Nhiệm vụ 1: Tóm tắt nội dung bài giảng. Từ bài giảng video và bài giảng Microsoft Power – Point “*Tranh Đông Hồ - nét tinh hoa của văn hóa dân gian Việt Nam*”, “*Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang khánh thành phòng truyền thống*”, hãy thực hiện những yêu cầu sau:

Tóm tắt những nội dung chính của bài giảng video.

Từ bản trình chiếu, xây dựng thành sơ đồ tư duy những vấn đề cơ bản trong phạm vi một trang giấy A4.

Nhiệm vụ 2: Mở rộng. Tìm kiếm thêm và tóm tắt luận điểm chính của ít nhất 1 VB về VBĐPT ngoài nguồn dữ liệu được cung cấp.

Trong số các VB mà em tìm kiếm được trong quá trình tự học có quan điểm nào mâu thuẫn hay mở rộng về nội hàm so với các VB được GV cung cấp hay không? Nếu có, hãy ghi lại những khác biệt đó.

Bước 4. Tiến hành trao đổi, thảo luận trên lớp học. GV kiểm tra, đánh giá kết quả tự học ở nhà của HS và giải đáp thắc mắc, hợp thức hóa kiến thức. Hoạt động này diễn ra ở đầu tiết học, mục đích chính là để GV xem xét quá trình học tập ở nhà của HS từ đó có định hướng cho nội dung DH trên lớp. Hoạt động này yêu cầu HS trình bày được kết quả tự học ở nhà, xác định những vấn đề chính còn gặp khó khăn với bài học. Sau đó, GV tiến hành giải đáp thắc mắc và hợp thức hóa kiến thức, kĩ năng cho HS. Các tri thức này chủ yếu ở mức độ nhận biết, thông hiểu.

HS trao đổi, thảo luận các nhiệm vụ ở mức độ vận dụng, phân tích, đánh giá. Hoạt động trao đổi, thảo luận trên lớp học được tiến hành thông qua việc

giải quyết các nhiệm vụ yêu cầu mức độ nhận thức vận dụng, phân tích, đánh giá của HS. GV đưa ra những nhiệm vụ nâng cao dưới hình thức giải quyết vấn đề, từ đó hướng dẫn HS thảo luận và vận dụng, phân tích, đánh giá kiến thức đã học.

GV đánh giá, kết luận, giao bài tập vận dụng về nhà, hướng dẫn cách thức tự học. Sau hoạt động này, HS xác định được vấn đề chính của bài học, biết xây dựng được kế hoạch tự học ở nhà dưới sự hướng dẫn của GV.

Biện pháp 2. Xây dựng và sử dụng hệ thống bài tập cho HS.

– *Mục đích của biện pháp:* Đáp ứng yêu cầu hình thành và phát triển năng lực ĐH VBĐPT cho HS.

– *Cách thức tổ chức thực hiện biện pháp:* Khi xây dựng bài tập ĐH VBĐPT, GV cần chú ý đến mục đích sử dụng bài tập, dạng bài tập lựa chọn và cách thức sử dụng bài tập trong thực tế dạy học. Tùy từng trường hợp cụ thể mà GV có thể tiến hành quy trình xây dựng bài tập khác nhau. Về cơ bản, quy trình xây dựng bài tập ĐH VBĐPT có thể bao gồm những bước sau:

Bước 1. Lựa chọn đơn vị DH ĐH VBĐPT cần phát triển cho HS. GV cần xác định rõ đơn vị DH ĐH VBĐPT cần phát triển cho HS, đặc điểm của đơn vị DH đó thể hiện ở việc ĐH VBĐPT, xác định mục tiêu xây dựng bài tập ĐH VBĐPT.

Bước 2. Lựa chọn dạng bài tập phù hợp, sau đó tiến hành xây dựng. Thông qua hệ thống phân loại bài tập đã xác định, GV cần lựa chọn dạng bài tập phù hợp để xây dựng cho HS. Tính phù hợp của dạng bài tập được xem xét từ hiệu quả áp dụng, sự đa dạng trong việc đáp ứng nhiều đối tượng HS với những mức độ nhận thức khác nhau, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường.

Bước 3. Xây dựng đáp án, hướng dẫn chấm, tiêu chí đánh giá kết quả làm bài tập. Việc xây dựng đáp án, hướng dẫn chấm và tiêu chí đánh giá cần được triển khai một cách khoa học, cụ thể, chi tiết, ngắn gọn, dễ hiểu, có thể thông qua việc mô tả các mức độ đạt được của HS qua kỹ thuật xây dựng rubric. Thông qua rubric, HS cũng có thể xem xét và tự đánh giá được kết quả thực hiện bài tập của mình.

Bước 4. Kiểm tra lại bài tập đã xây dựng và lập kế hoạch sử dụng hệ thống bài tập. GV cần tiến hành rà soát, kiểm tra lại bài tập ở tất cả khía cạnh từ nội dung, hình thức đến mức độ khó, các kỹ thuật sử dụng... cũng như xác định thời gian, phương tiện, các công cụ hỗ trợ để tiến hành sử dụng những bài tập đó.

Hoạt động xây dựng bài tập ĐH VBĐPT được tiến hành như quy trình đã xây dựng. Quy trình sử dụng hệ thống bài tập ĐH VBĐPT có thể được diễn ra linh hoạt tùy vào mục đích sử dụng bài tập, vị trí của hoạt động sử dụng bài tập trong tiến trình dạy học... Về cơ bản, hoạt động sử dụng hệ thống bài tập ĐH VBĐPT có thể được tiến hành theo quy trình sau:

Giới thiệu mục tiêu DH. GV hướng dẫn HS xác định rõ mục tiêu bài học, mục đích khi thực hiện hệ thống bài tập.

Giao bài tập cho HS. Bài tập được giao cho HS theo các hình thức khác nhau (cá nhân, nhóm) tùy thuộc vào mục tiêu và bối cảnh DH.

Hướng dẫn HS thực hiện bài tập. GV hướng dẫn HS cách thức thực hiện bài tập bao gồm hình thức, thời gian và yêu cầu thực hiện sau đó cung cấp những tiêu chí đánh giá bài tập để HS có thể tự xem xét kết quả làm bài tập của mình cũng như xác định được chiến thuật để làm bài tập một cách hiệu quả. Trong quá trình HS làm bài tập, GV quan sát, bao quát lớp học cũng như chú ý đến từng đối tượng HS để từ đó hỗ trợ, đưa ra những phản hồi kịp thời.

Chữa bài tập, đánh giá kết quả hoạt động của HS. GV cung cấp đáp án, tiến hành giải quyết các vấn đề khó. Từ tiêu chí đánh giá kết quả làm bài tập của HS đã được đưa ra trước đó, GV đánh giá mức độ đạt được của HS theo các tiêu chí cụ thể.

Kết luận. GV đưa ra những kết luận cần thiết về nội dung vừa được triển khai, hướng dẫn HS tự học ở nhà và đưa ra những gợi ý để HS tiếp tục khai thác từ những bài tập đã làm.

Tiến hành sử dụng hệ thống bài tập ĐH VBĐPT. Tùy thuộc vào bối cảnh DH (đặc điểm HS, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường,...), GV có thể linh hoạt áp dụng bài tập ĐH VBĐPT với những cách thức, thời điểm khác nhau. GV tiến hành sử dụng bài tập ĐH VBĐPT cho HS với việc áp dụng các phương pháp DH tích cực (DH theo nhóm, DH nêu và giải quyết vấn đề, DH theo hợp đồng, DH theo dự án,...); các kỹ thuật DH tích cực (kỹ thuật mảnh ghép, kỹ thuật sơ đồ tư duy, kỹ thuật KWL, kỹ thuật lắng nghe và phản hồi tích cực...); các phương tiện DH tích cực (phiếu học tập, tranh ảnh, video, sơ đồ, bảng biểu...). Quá trình sử dụng bài tập cần linh hoạt nhằm phục vụ mục tiêu DH.

Biện pháp 3. Tổ chức trải nghiệm cho HS.

– *Mục đích của biện pháp:* Tăng tính bối cảnh thực tế trong hoạt động phát triển năng lực ĐH VBĐPT cho HS, giúp HS quan sát, phân tích, lắng

nghe đánh giá, phản hồi về hoạt động DH VBĐPT, từ đó có những hình thức điều chỉnh phù hợp.

– *Cách thức tổ chức thực hiện biện pháp:* GV phân tích bài học DH VBĐPT qua dữ liệu video DH, hoạt động sử dụng video trong DH nhằm tăng cường trải nghiệm DH DH VBĐPT cho HS cần đảm bảo một số yêu cầu nhất định. Hai yêu cầu cơ bản về dữ liệu video được sử dụng và yêu cầu về cách thức sử dụng dữ liệu video được xác định như sau:

Yêu cầu của dữ liệu video sử dụng. Video làm ngữ liệu DH DH VBĐPT cho HS cần đảm bảo một số tiêu chí sau:

Tính khoa học và sự phạm: Video thể hiện tính khoa học từ cách thức tổ chức hoạt động DH DH VBĐPT của GV, cách thức vận dụng phương pháp, biện pháp, kĩ thuật DH và cách sử dụng các phương tiện DH tích cực trong DH DH VBĐPT nhằm đạt được mục tiêu DH. Các hoạt động, thao tác, cử chỉ, lời nói, giao tiếp của GV và HS trong video cần phù hợp với chuẩn mực môi trường học tập phổ thông, đảm bảo trình tự quy định của tiết học.

Tính bao quát và thẩm mĩ: Video DH DH VBĐPT cần giúp GV có cái nhìn toàn diện trong lớp học, bao quát lớp học ở nhiều góc độ khác nhau từ hoạt động dạy của GV đến hoạt động học của HS. Để quá trình quan sát được tối ưu, vị trí đặt máy quay có thể thay đổi trong quá trình quay để bao quát được cảnh gần, xa khác nhau tùy thuộc vào loại hoạt động DH DH VBĐPT được thực hiện. Video cần được chuẩn bị kĩ lưỡng, đạt tiêu chuẩn về độ sắc nét, màu sắc, bố cục, âm thanh... Nếu hoạt động giao tiếp giữa GV và HS trong video chưa rõ, GV có thể tạo phụ đề tiếng Việt hoặc bổ sung thêm các phần giải thích, chú giải cho video.

Tính ứng dụng và thiết thực: Video được lựa chọn trong giờ DH DH VBĐPT có thể sử dụng với nhiều mục đích khác nhau tùy theo mục tiêu DH cũng như dụng ý của GV. Thời lượng của video cần hợp lí, không quá dài vì sẽ khiến HS mất tập trung.

Yêu cầu của việc sử dụng video: Video cần được sử dụng một cách hợp lí, tránh lạm dụng, phụ thuộc. Quá trình HS theo dõi video cần được thực hiện chủ động, linh hoạt, hợp lí, không chiếm quá nhiều thời gian trong tiến trình DH.

Quy trình sử dụng video trong DH phát triển năng lực DH DH VBĐPT cho HS có thể được tiến hành theo ba giai đoạn sau: Trước giờ lên lớp; trong giờ lên lớp; sau giờ lên lớp. Khi tiến hành sử dụng video DH, GV cần thiết kế hoạt động cụ thể vào kế hoạch DH. Hoạt động DH bằng video có thể tiến

hành thành một bài học cụ thể hoặc là một phần của bài học.

Biện pháp 4. Tổ chức cho HS tìm hiểu thông tin bằng nhiều kênh khác nhau trong VBĐPT.

– *Mục đích của biện pháp:* Tổ chức cho HS nhận thấy được tính trực quan, sinh động trong cách truyền tải thông tin của VBĐPT.

– *Cách thức tổ chức thực hiện biện pháp:* Với biện pháp này, GV nên tổ chức các hoạt động sau:

Bước 1. Tổ chức cho HS nhận biết thông tin từ VBĐPT. Để HS nhận biết được đầy đủ thông tin từ VB đa phương thức, GV cần sử dụng các câu hỏi hướng dẫn HS khai thác thông tin từ các kênh biểu đạt trong VB. Đầu tiên, HS cần nhận ra được các phương thức thể hiện trong VB qua câu hỏi “Các thông tin trong VB được truyền tải bằng những kênh nào?”. Sau đó, người dạy sử dụng hệ thống câu hỏi để HS nhận biết được thông tin truyền tải từ các kênh biểu đạt. Nói cách khác, GV yêu cầu HS chỉ ra được nội dung thông tin mà mỗi kênh thể hiện. Trong khi dạy, GV cần tổ chức hoạt động này một cách linh hoạt. Với VB đa phương thức thuộc lĩnh vực thông tin có sự kết hợp giữa kênh chữ và kênh hình tĩnh, người dạy có thể yêu cầu HS khai thác thông tin từ kênh chữ hoặc từ kênh hình trước/sau.

Bước 2. Tổ chức cho HS nhận biết thông tin từ kênh chữ: Trong VB nói chung và VB đa phương thức thuộc lĩnh vực thông tin nói riêng, nhan đề có ý nghĩa quan trọng trong việc thể hiện nội dung của VB. Vì vậy, trước hết, GV có thể sử dụng những câu hỏi khơi gợi khả năng dự đoán ở người đọc qua nhan đề của VB. Bên cạnh nhan đề, kênh chữ trong VB đa phương thức cũng thể hiện rõ nội dung trong các phần của VB. Ngoài ra, kênh chữ có thể xuất hiện trong những chú thích dưới các hình vẽ, sơ đồ, bảng biểu, chú thích nguồn... Vì vậy, căn cứ vào nội dung mà kênh chữ thể hiện ở mỗi VB, GV sẽ xây dựng hệ thống câu hỏi hướng dẫn HS nhận biết thông tin từ phương thức thể hiện này. Để thực hiện bước này, GV có thể sử dụng những câu hỏi sau:

Từ việc tìm hiểu nhan đề của VB, em hãy đoán xem VB sẽ trình bày những nội dung gì?

Nhan đề cho thấy đánh giá của người viết về vấn đề trong VB như thế nào?

Kênh chữ trong VB cung cấp những thông tin gì cho người đọc?

Ví dụ: Đọc nhan đề “Tranh Đông Hồ - nét tinh hoa của văn hóa dân gian Việt Nam” và cho biết VB đề cập đến vấn đề gì? Em hãy đoán xem VB sẽ trình

bày những nội dung gì? Kênh chữ trong VB “Tranh Đông Hồ - nét tinh hoa của văn hóa dân gian Việt Nam” cung cấp những thông tin gì cho người đọc? Theo em, nội dung thông tin được truyền tải bởi kênh chữ đã đầy đủ chưa?

Bước 3. Tổ chức cho HS nhận biết thông tin kênh hình tĩnh: Những câu hỏi GV đưa ra cho HS không chỉ giúp các em hiểu thông tin mà còn hình thành năng lực ĐH loại kí hiệu đó. Bởi vậy, trước khi đưa ra được hệ thống câu hỏi, GV phải đóng vai trò là người đọc để tìm ra cách thức đọc phù hợp với từng yếu tố. Trong VBĐPT, kênh hình tĩnh bao gồm hình vẽ, hình chụp, sơ đồ, biểu đồ, bảng biểu, kí hiệu, lược đồ... Mỗi yếu tố trên sẽ cung cấp những thông tin khác nhau phụ thuộc vào nội dung của từng VB. Do đó, GV cần căn cứ vào các yếu tố cụ thể của kênh hình để đưa ra hệ thống câu hỏi phù hợp. Với hình vẽ, hình chụp, người dạy nên sử dụng câu hỏi khái quát để nhận biết thông tin tổng thể của hình vẽ/chụp và các câu hỏi tìm hiểu chi tiết về hình vẽ/chụp đó. Trong khi đó, biểu đồ gồm có các loại: biểu đồ tròn, biểu đồ cột, biểu đồ đường. Mỗi loại biểu đồ thể hiện một mục đích khác nhau của người sử dụng, nhằm truyền tải những thông tin không giống nhau. Vì vậy, GV cần dựa vào đặc điểm của những loại biểu đồ này, từ đó đưa ra những câu hỏi để người đọc xác định được đầy đủ thông tin mà biểu đồ đó truyền tải. Với biểu đồ tròn, câu hỏi cần hướng tới việc so sánh kích thước của các phần quạt để nhận biết được thông tin cần thiết; đối với biểu đồ đường, câu hỏi yêu cầu người học nhận biết được sự thay đổi thông tin qua việc nghiên cứu độ nghiêng/dốc của các đường, đường càng dốc, tốc độ thay đổi càng nhanh; đối với biểu đồ cột, HS phải so sánh được chiều dài của các cột từ đó nhận biết được thông tin chung của biểu đồ. Sơ đồ có đặc điểm khác biểu đồ, các thông tin thường được trình bày theo một trình tự do có các con số chỉ ra các bước hoặc chỉ ra hướng chuyển động của sự vật, đối tượng. Căn cứ vào đặc điểm đó, GV sẽ xây dựng hệ thống câu hỏi giúp người đọc nhận biết được các thông tin riêng lẻ và thông tin chung của cả sơ đồ. Với bản đồ, người đọc không thể nhận biết được thông tin khi tách rời kênh chữ. Bởi thông tin tổng thể có thể được cung cấp qua tên bản đồ, bảng chú giải, các kí hiệu giúp xác định những biểu tượng và những màu sắc mà biểu đồ miêu tả. Do vậy, GV cần căn cứ vào đặc điểm của từng loại kí hiệu để xây dựng hệ thống câu hỏi đa dạng và phù hợp.

Bước 4. Tổ chức cho HS tìm hiểu tác dụng của các kênh biểu đạt trong việc truyền tải thông tin. Mỗi kênh biểu đạt trong VBĐPT có một vị trí, vai trò riêng trong việc tạo nên tính chỉnh thể cho toàn

VB. Vì vậy, với VBĐPT thuộc lĩnh vực thông tin có sự kết hợp giữa kênh chữ và kênh hình tĩnh, GV cần sử dụng hệ thống câu hỏi nhằm làm rõ được vai trò của mỗi kênh biểu đạt trong việc phản ánh thông tin chung của cả VB như:

Nhan đề, Sapo, các tiêu đề nhỏ... (kênh chữ) trong VB có tác dụng gì?

Nêu ý nghĩa của những con số trên biểu đồ hay ý nghĩa của các yếu tố trên sơ đồ. Chỉ rõ tác dụng của các hình ảnh/sơ đồ/bảng biểu... trong VB.

Giả sử nếu không có kênh chữ hoặc không có kênh hình, hiệu quả truyền đạt thông tin trong VB sẽ như thế nào?

Biện pháp 5. Tổ chức cho HS tìm hiểu bố cục trong VBĐPT.

– *Mục đích của biện pháp:* Tổ chức cho HS tìm hiểu cách sắp xếp các kênh biểu đạt trong VBĐPT; chỉ ra ưu điểm và hạn chế của bố cục đó.

– *Cách thức tổ chức thực hiện biện pháp:* GV cần xây dựng hệ thống yêu cầu, nhiệm vụ nhằm làm nổi bật sự sắp xếp của kênh chữ và kênh hình tĩnh trong VBĐPT. Đặc biệt là kênh hình, bởi lẽ bố cục của kênh hình với những đặc điểm về màu sắc, kích thước, vị trí có ảnh hưởng rất lớn đến việc truyền tải thông tin, tác động tới nhận thức, tình cảm của người đọc. Trên cơ sở đó, hệ thống câu hỏi tìm hiểu bố cục của các kênh biểu đạt trong VBĐPT được đề xuất như sau: Nhận xét về kiểu chữ, cỡ chữ, cách trình bày của kênh chữ trong VB; chỉ ra số lượng của hình ảnh được sử dụng trong VB. Số lượng hình ảnh thuộc về nội dung nào nhiều nhất? Màu sắc, kích thước của các hình ảnh được sử dụng trong VB như thế nào? Xác định vị trí của các hình ảnh đó (nằm ở vị trí trung tâm hay bên trái, bên phải, trên cùng hoặc dưới cùng); nhận xét bố cục của VB. Chỉ ra ưu điểm và hạn chế của cách sắp xếp đó; nếu được bố cục lại VB, em sẽ sắp xếp các kênh biểu đạt như thế nào? Vì sao?

Các biện pháp DH ĐH VBĐPT trong môn Ngữ văn lớp 10 bao gồm các hoạt động tổ chức cho HS tìm hiểu: cách thể hiện thông tin bằng nhiều kênh đa dạng khác nhau trong VBĐPT; tác động của VBĐPT đến nhận thức, tình cảm của người đọc; bố cục của các kênh biểu đạt trong VBĐPT; tính phổ biến, đa dạng, khoa học, hàm súc của VBĐPT; tổ chức rèn luyện kĩ năng ĐH cho HS qua hệ thống bài tập; đánh giá năng lực ĐH VBĐPT của HS như một biện pháp củng cố đồng bộ với cách dạy ĐH VBĐPT. DH ĐH VBĐPT trong môn Ngữ văn lớp 10 được định hướng tổ chức bao gồm: nội dung DH

ĐH VBĐPT và quy trình tổ chức DH ĐH VBĐPT. Những đề xuất trên sẽ góp phần vào việc nâng cao năng lực ĐH VB của HS lớp 10 nhằm đáp ứng tốt yêu cầu của CTGDPT môn Ngữ văn 2018.

3.4. Thực nghiệm sư phạm

Mục đích của hoạt động TN: Hoạt động TN được tiến hành nhằm cụ thể hóa các biện pháp dạy học đọc hiểu VBĐPT cho HS lớp 10 được đề xuất. Bên cạnh đó, hoạt động TN sư phạm còn nhằm đánh giá kết quả đọc hiểu VBĐPT của HS lớp 10 qua việc phân tích, đối chiếu kết quả định tính và định lượng. Từ đó, tính khả thi của các biện pháp dạy học đọc hiểu VBĐPT cho HS lớp 10 được đánh giá. Do điều kiện giới hạn của đề tài, hoạt động TN không tiến hành kiểm chứng mức độ hiệu quả của tất cả các biện pháp DH ĐH VBĐPT mà chỉ chọn hai biện pháp đó là: *Biện pháp 2. Xây dựng và sử dụng hệ thống bài tập cho HS và biện pháp 5. Tổ chức cho HS tìm hiểu bố cục trong VBĐPT.*

Trên cơ sở đánh giá hiệu quả tác động của các biện pháp đã nêu, các biện pháp này được kỳ vọng sẽ phát huy tích cực đối với việc DH của GV.

Nội dung TN: Nội dung TN, hai VBĐPT thuộc chủ đề “Những di sản văn hóa” trong chương trình Ngữ văn lớp 10 (Bộ sách Chân trời sáng tạo) được

chọn để tiến hành hoạt động TN. VB 1: “*Tranh Đông Hồ - nét tinh hoa của văn hóa dân gian Việt Nam*” (VB kết hợp giữa kênh chữ và hình ảnh). VB 2: “*Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang khánh thành phòng truyền thống*” (VB kết hợp giữa kênh chữ và hình ảnh).

Đối tượng, địa bàn, thời gian và quy trình TN.

- *Đối tượng TN:* HS lớp 10.
- *Địa bàn TN:* Trường THPT Nguyễn Khuyến ở phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.
- *Thời gian TN:* Hoạt động TN được tiến hành trong thời gian từ ngày 21/10/2022 đến ngày 22/11/2022. TN giảng dạy và đánh giá năng lực trong ĐH VBĐPT cho HS lớp 10 được thực hiện vào các tiết học chính (buổi chiều).
- *Quy trình TN:* Quy trình TN gồm ba giai đoạn. Giai đoạn 1 dạy các tiết đã chuẩn bị theo các biện pháp DH ĐH VBĐPT đã được xây dựng; giai đoạn 2 cho HS làm bài kiểm tra; giai đoạn 3 xử lý kết quả TN được thực hiện qua bài kiểm tra của HS.

Đánh giá kết quả TN: Đánh giá về mặt định tính thể hiện ở quá trình chuẩn bị bài của HS và trong quá trình học tập trên lớp của các em.

Bảng 1. Bảng kiểm tra đánh giá lớp học

Nội dung đánh giá	Câu hỏi khái quát	Công cụ
1. Kiến thức đã học	HS đã học được gì? HS có kiến thức nền như thế nào?	Bảng khảo sát kiến thức nền Thẻ huy động kiến thức Câu hỏi/ bài tập
2. Kiến thức đang học/ Tiến trình học tập/ Trở ngại	HS đang học gì? HS học tập như thế nào? HS gặp trở ngại gì khi học tập?	Thẻ đánh giá nhanh Thẻ đặt câu hỏi Bảng phân tích (bảng so sánh, hệ thống)
3. Khả năng vận dụng kiến thức	HS vận dụng kiến thức, kỹ năng học được như thế nào?	Thẻ vận dụng kiến thức Viết/ diễn giải vấn đề đã học Câu hỏi, bài tập vận dụng
4. Kỹ năng	HS có đạt được các kỹ năng cần thiết không? (Kỹ năng tự học, hợp tác, giải quyết vấn đề, phân tích, so sánh,...)	Bảng tranh luận Thẻ đặt câu hỏi Bảng hỏi, bảng kiểm Tiểu luận Câu hỏi, bài tập
5. Thái độ	HS có suy nghĩ/ cảm giác/ giá trị gì?	Bảng hỏi, bảng kiểm

Kết quả đánh giá TN về mặt định tính: Dữ liệu định tính của HS trong quá trình TN được tổng hợp, thu thập và xử lý thông qua các phiếu ghi chép thông tin từ các tiết dạy TN, số liệu thống kê mức độ tham gia và phản hồi của HS khi tham gia lớp học.

Trong quá trình TN, HS hứng thú tham gia học bổ sung các kiến thức, kỹ năng về VBĐPT và bài tập

ĐH VBĐPT ở trên lớp. Theo thống kê kết quả tham gia lớp học trên nền tảng trực tuyến, 100% HS tham gia và khai thác nội dung bài học, 42/44 HS thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được giao trong lớp học (chiếm 95,45%). Quá trình trao đổi, thảo luận sau khi khai thác tài liệu ở lớp học trực tuyến diễn ra với sự tham gia của 100% HS. HS tích cực tương tác với GV trong quá trình thực hành, luyện tập các nội

dung đã học ở lớp học trực tuyến và có nhiều đóng góp trong giờ học.



Hình 1. HS lớp 10A6 Trường THPT Nguyễn Khuyến đang giải quyết các nhiệm vụ học tập

Kết quả đánh giá TN về mặt định tính còn được thể hiện rõ ở sự tiến bộ trong bài kiểm tra mà HS thực hiện. GV có thể xác định kết quả cụ thể của HS trong quá trình thực hiện hoạt động kiểm tra, đánh giá sau quá trình học tập. Chẳng hạn lớp 10A6, trong bài kiểm tra đầu tiên, HS đạt kết quả ở mức *yếu* (chiếm 6,8% trong tổng số HS), các thao tác thực hiện hoạt động ĐH VBĐPT còn lúng túng, nhiều thiếu sót. Tuy nhiên, trong lần kiểm tra TN, lớp 10A6 đã biết thực hiện các thao tác cơ bản trong hoạt động đọc hiểu VBĐPT, đạt kết quả bài kiểm tra ở mức *trung bình* (chiếm 45,5% trong tổng số HS),

Bảng 3. Số lượng và tỉ lệ HS được xếp loại sau hai lần kiểm tra (trước TN và sau TN)

Xếp loại	Trước TN		Sau TN	
Giỏi (8,0 – 10,0)	3	6,82%	5	11,36%
Khá (6,5 – 7,9)	12	27,27%	17	38,63%
Trung bình (5,0 – 6,4)	26	59,09%	20	45,46%
Yếu, kém (3,5 – 4,9)	3	6,82%	2	4,55%
Tổng	44	100%	44	100%

Kết quả cho thấy số lượng HS đạt loại *giỏi* và *khá* của lần kiểm tra sau TN đều tăng so với lần kiểm tra trước TN (tỉ lệ HS đạt loại *giỏi* tăng 4,54%, HS

khá (chiếm 38,6% trong tổng số HS). Mặc dù lớp 10A6 vẫn còn gặp một số khó khăn nhưng về cơ bản hoạt động ĐH VBĐPT đã được thực hiện tương đối tốt sau quá trình tham gia TN.

Trong quá trình TN, HS thể hiện sự mạnh dạn, tự tin, hứng thú và chủ động hơn. HS tham gia phát biểu ý kiến tương tác với GV, tích cực phối hợp với các HS khác trong nhóm để thực hiện nhiệm vụ mà GV giao cho. HS thành thạo hơn trong việc thực hiện các kỹ năng ĐH VBĐPT, có ý thức sử dụng CTGDPT môn Ngữ văn 2018 một cách hợp lý, xác định rõ hơn vai trò của các yếu tố đa phương thức trong hoạt động ĐH VBĐPT.

Đánh giá về mặt định lượng được thực hiện dựa trên kết quả bài kiểm tra của HS.

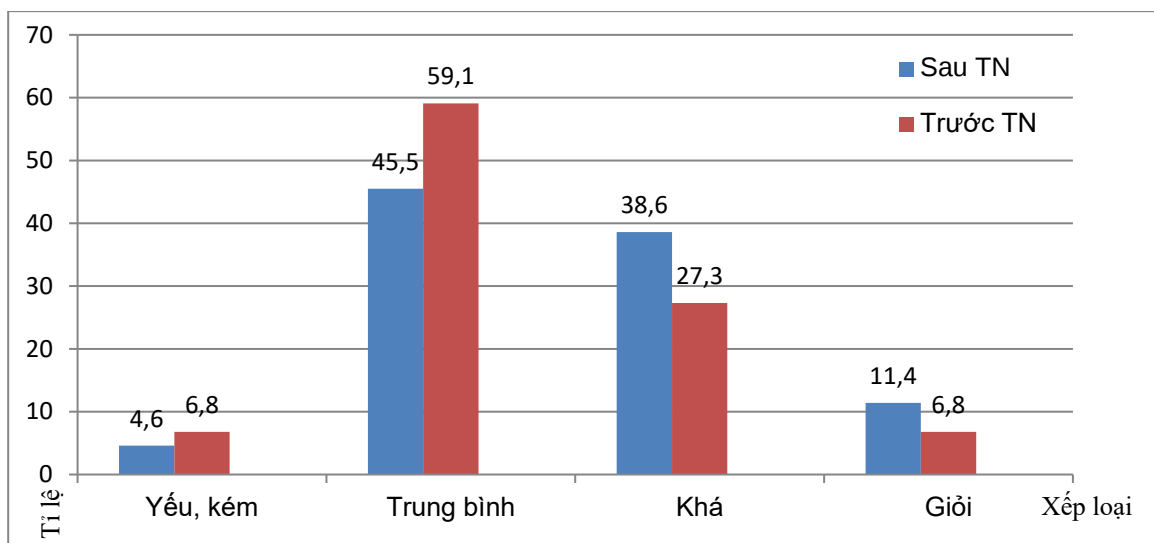
Bảng 2. Bảng thống kê kết quả xếp loại của HS ở bài kiểm tra

Xếp loại	Số HS	Tỉ lệ
Giỏi (8,0 – 10,0)	2	4,55%
Khá (6,5 – 7,9)	9	20,45%
Trung bình (5,0 – 6,4)	28	63,64%
Yếu, kém (3,5 – 4,9)	5	11,36%

Thang điểm được xây dựng như sau: Loại *giỏi* (Bài làm đạt 8,0 – 10,0 điểm); Loại *khá* (Bài làm đạt 6,5 – 7,9 điểm); Loại *trung bình* (Bài làm đạt 5,0 – 6,4 điểm); Loại *yếu* (Bài làm đạt 3,5 – 4,9 điểm).

Kết quả đánh giá TN về mặt định lượng được thể hiện ở bảng sau:

đạt loại *khá* tăng 11,36%). Số lượng HS đạt loại *trung bình* và *yếu, kém* đều giảm (tỉ lệ giảm tương ứng là 13,63% và 2,27%) sau khi TN. Kết quả cụ thể được thể hiện ở biểu đồ sau:



Hình 2. Biểu đồ mô tả kết quả xếp loại của HS trước TN và sau TN

TN cho thấy việc tổ chức để HS ĐH VBĐPT là con đường khó khăn, đòi hỏi sự cố gắng hơn nhiều của cả người dạy và người học so với cách dạy học theo định hướng nội dung, thuần túy tiếp nhận kiến thức từ thầy, cô giáo như trước đây. Trước hết, ĐH ĐH VBĐPT là sự thay đổi về quan niệm, cách nhìn đối với quá trình học ĐH VBĐPT của HS. Tiếp đến, ĐH ĐH VBĐPT là sự thay đổi trong cách xây dựng hệ thống các hoạt động đảm bảo yêu cầu để HS ĐH VBĐPT. Tương ứng với đó, GV cần phải đầu tư các phương tiện DH phù hợp để hỗ trợ HS thực hiện các hoạt động ĐH VBĐPT.

TN cũng cho thấy thực hiện DH ĐH VBĐPT chỉ thực sự có hiệu quả nếu hoạt động đổi mới trong cách tiếp cận DH này đi liền với đổi mới về kiểm tra đánh giá. Nếu chúng ta vẫn đánh giá năng lực ĐH VBĐPT theo cách yêu cầu HS tái hiện, phân tích một nội dung nào đó trong VB đã được học thì chắc chắn GV và HS sẽ tiếp tục duy trì cách thức tiếp cận theo định hướng nội dung. Kiểm tra, đánh giá là một trong những khâu rất quan trọng để định hướng ngược trở lại quá trình DH, kích lệ cho việc đổi mới hoạt động DH, trong đó có hướng DH ĐH VBĐPT.

Một khó khăn được đặt ra trong hoạt động thực nghiệm là vấn đề thời lượng DH. Để HS có thể thực hiện các hoạt động ĐH VBĐPT sẽ đòi hỏi GV dành nhiều thời gian hơn cho từng hoạt động đó. Trong khi ấy, lượng thời gian dành cho mỗi một bài đọc theo phân phối chương trình không thật phù hợp. Vì vậy, để có thể thực hiện việc DH ĐH VBĐPT, người dạy cần linh hoạt “đảo ngược” lớp học, giao một số nội dung cụ thể để HS chuẩn bị trước ở nhà, dành

thời gian nhiều hơn cho các hoạt động DH ĐH VBĐPT trên lớp.

Để các biện pháp DH ĐH VBĐPT được phát huy hiệu quả, GV cần phối hợp một cách linh hoạt và đồng bộ, tùy thuộc vào điều kiện, tình hình DH thực tế của nhà trường cũng như đặc điểm của HS từng trường. GV cần hiểu rõ định hướng đổi mới trong DH trung học phổ thông là mạnh dạn sử dụng những công cụ đánh giá mới, phù hợp với đánh giá kết quả học tập của HS.

Kết quả TN về mặt định tính và định lượng cho phép đi đến kết luận rằng việc vận dụng các biện pháp DH ĐH VBĐPT đã đề xuất là có tính khả thi, có thể tạo ra những thay đổi có ý nghĩa trong nhận thức, hoạt động DH của GV và HS, cũng như trong kết quả thực tiễn của hoạt động dạy và học.

4. KẾT LUẬN

DH ĐH VBĐPT cho HS lớp 10 là một yêu cầu quan trọng trong DH hiện nay. Nhận thức được vấn đề này, khái niệm VBĐPT đã được tiến hành xác định và tìm hiểu về VBĐPT trong SGK Ngữ văn lớp 10. Từ đó, các biện pháp DH ĐH VBĐPT cho HS lớp 10 được đề xuất. Cụ thể, năm biện pháp được xây dựng như sau: *Biện pháp 1. Trang bị kiến thức nền cho HS; Biện pháp 2. Xây dựng và sử dụng hệ thống bài tập cho HS; Biện pháp 3. Tổ chức trải nghiệm cho HS; Biện pháp 4. Tổ chức cho HS tìm hiểu thông tin bằng nhiều kênh khác nhau trong VBĐPT; Biện pháp 5. Tổ chức cho HS tìm hiểu bố cục trong VBĐPT.* Các biện pháp có thể được áp dụng độc lập hoặc kết hợp với nhau, tùy thuộc vào tình hình thực tế giáo dục địa phương cũng như điều kiện bối cảnh

DH cho phép. Các biện pháp này tuy không mới nhưng đáp ứng đúng mục tiêu của CTGDPT và SGK *Ngữ văn 2018*. TN sư phạm đã được tiến hành bằng cách áp dụng hai biện pháp là xây dựng, sử dụng hệ thống bài tập cho HS và tổ chức cho HS tìm hiểu bộ

cục trong VBĐPT. Hoạt động TN được thực hiện trên đối tượng là 44 HS lớp 10A6 Trường THPT Nguyễn Khuyến trong thời gian TN là một tháng. Quá trình TN thu được kết quả ở cả mặt định lượng và định tính.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018a). *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*.

<https://moet.gov.vn/content/tintuc/Lists/News/Attachments/8421/chuong-trinh-tong-the-ctgdpt-2018.pdf>

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018b). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*.

<https://data.moet.gov.vn/index.php/s/KNfGVJAhcwuS2Uk#pdfviewer>

Hung, N. T. (2018). Yếu tố hình ảnh trong văn bản đa phương thức. *Tạp chí Khoa học ĐHSPT Hà Nội*, số 63, tháng 12.

Nguyệt, L. T. M. (2017). Dạy học văn bản đa phương thức nhằm phát triển năng lực giao tiếp của học sinh ở nhà trường phổ thông. *Tạp chí Giáo dục Việt Nam*, số 199, 3/2017, tr.46-48.

Thống, Đ. N. (2017). *Phát triển năng lực đọc viết cho học sinh phổ thông*. [Http://www.nico-paris.com](http://www.nico-paris.com)